

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **263** /2021/HC-PT

Ngày: 03-12-2021

V/v: “Khiếu kiện quyết định về việc thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; quyết định giải quyết khiếu nại; hành vi cưỡng chế thu hồi đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính gây ra”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Thi
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào
Ông Nguyễn Tấn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 149/2021/TLPT-HC ngày 19 tháng 02 năm 2021 về việc *“Khiếu kiện quyết định về việc thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; quyết định giải quyết khiếu nại; hành vi cưỡng chế thu hồi đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính gây ra”.*

Do bản án hành chính sơ thẩm số 25/2019/HC-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 383/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Lê Đình H. Địa chỉ: Thôn M, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết A. (có mặt)
2. A Lê A M. (có mặt)
3. Chị Lê Tuyết N. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

4. Công ty cổ phần đầu tư BOT đèo Cả Khánh Hòa. Địa chỉ: thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Hải L, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư BOT đèo Cả Khánh Hòa. (vắng mặt)

5. Công ty cổ phần thi công cơ giới xây lắp và Công ty cổ phần lắp máy điện nước xây dựng 1. Địa chỉ: Hà Nội. (vắng mặt)

Người kháng cáo: Ông Lê Đình H; bà Nguyễn Thị Tuyết A; anh Lê A M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau:

Tại Đơn khởi kiện ngày 13/6/2015, các đơn khởi kiện bổ sung, các đơn trình bày ý kiến chính thức trước khi vụ án xét xử đề ngày 24/6/2018, ngày 10/7/2018, Đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại ngày 24/9/2018 và quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Lê Đình H trình bày:

Gia đình ông Lê Đình H có 144m² đất bị ảnh hưởng và bị thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1A, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) và Chủ tịch UBND thị xã N, tỉnh Khánh Hòa đã ban hành các quyết định có nội dung không đúng pháp luật và thực hiện hành vi có hành vi trái pháp luật đối với ông và gia đình, cụ thể:

Ngày 24/6/2013, UBND thị xã N ban hành Thông báo số: 86/TB-UBND (sau đây viết tắt là Thông báo 86/TB-UBND) về chủ trương thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1A đoạn từ Km 1405 - Km1425 qua địa phận thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (sau đây viết tắt là Dự án).

Ngày 30/6/2014, UBND thị xã N ban hành Quyết định số: 3816/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân (ông Lê Đình H) để thực hiện Dự án (sau đây viết tắt là Quyết định 3816/QĐ-UBND).

Ngày 16/4/2014, UBND thị xã N ban hành Quyết định số: 1450/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Đình H khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án (sau đây viết tắt là Quyết định 1450/QĐ-UBND).

Ngày 10/6/2016, UBND thị xã N ban hành Quyết định số: 822/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một phần nội dung tại Điều 1 Quyết định số 3816/QĐ-UBND

ngày 30/6/2014 của UBND thị xã N (sau đây viết tắt là Quyết định 822/QĐ-UBND).

Ngày 20/5/2016, UBND thị xã N ban hành Quyết định số: 701/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí điều chỉnh về bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Đình H khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án (sau đây viết tắt là Quyết định 701/QĐ-UBND).

Ngày 09/3/2016, Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định số: 680/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đình H (sau đây viết tắt là Quyết định 680/QĐ-UBND).

Ngày 26/6/2018, UBND thị xã N ban hành Quyết định số: 1098/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung một phần nội dung tại Quyết định số: 3816/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 và Quyết định số: 822/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của UBND thị xã N (sau đây viết tắt là Quyết định 1098/QĐ-UBND).

Ông Lê Đình H ủng hộ việc Nhà nước thực hiện Dự án, tuy nhiên, không đồng ý với quá trình thực hiện của UBND và Chủ tịch UBND thị xã N vì không tuân thủ và làm trái quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Vì vậy, ông Lê Đình H yêu cầu:

Hủy nội dung bồi thường, hỗ trợ 18.960.000đ của Quyết định 1450/QĐ-UBND vì UBND thị xã N áp giá bồi thường đối với đất nông nghiệp là không đúng, thu hồi của hộ gia đình ông 144m² đất ở nhưng chỉ bồi thường 60m² theo giá đất nông nghiệp là không đúng. Toàn bộ diện tích đất 144m² thuộc quyền sử dụng của gia đình ông và là đất ở theo Đơn xin sử dụng đất để kinh doanh được UBND xã N xác nhận ngày 27/02/1993 và Biên bản làm việc ngày 27/3/2015 được Tổ công tác của UBND xã N xác nhận.

Hủy Điều 1 Quyết định 3816/QĐ-UBND vì xác định loại đất nông nghiệp là không đúng.

Hủy nội dung tổng số tiền bồi thường tăng 7.020.000đ của Quyết định 701/QĐ-UBND vì tăng tiền hỗ trợ không căn cứ quyết định hành chính cụ thể nào, hủy phần nội dung: lý do thực hiện Quyết định 680/QĐ-UBND mà không giải quyết diện tích thực tế thu hồi của gia đình ông là 144m².

Hủy phần nội dung “Lý do: Thực hiện Quyết định số: 680/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đình H” của Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc điều chỉnh một phần nội dung tại Điều 1 Quyết định số 3816/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thị xã N.

Hủy Quyết định 680/QĐ-UBND vì không giải quyết đúng quyền lợi chính đáng, hợp pháp của gia đình ông với diện tích 144m², không giải quyết đầy đủ nội dung khiếu nại về hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thị xã N.

Hủy Điều 2 của Quyết định 1098/QĐ-UBND vì quyết định này không thay đổi các nội dung khác của Quyết định 3816/QĐ-UBND và Quyết định 822/QĐ-UBND, không giải quyết quyền lợi chính đáng của gia đình ông.

Tuyên hành vi của ông Trần Văn M – Phó Chủ tịch UBND thị xã N (nay là Chủ tịch UBND thị xã N) về cưỡng chế thu hồi đất cả gia đình ông vào ngày 19/6/2014 khi chưa có quyết định thu hồi đất là trái pháp luật.

Yêu cầu UBND thị xã N bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thị xã N ngày 19/6/2014 gây ra làm thiệt hại 300m³ đất, đá, cát, sỏi, nhựa đường lấp đầy phần diện tích 12m x 12m = 144m² đất nhà ông đang sử dụng và tổn hại tinh thần, thể chất của gia đình ông, cụ thể: Căn cứ Quyết định số: 25/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa thì yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản là 166.795.200đ, được tính như sau: 19 sân cấp phối đá dăm dày 14cm: 78.000đ/m²; 300m³/144m² = 2,08m = 208cm; 208cm/14cm = 14,85 lần; 14,85 x 78.000đ = 1.158.300đ/m²; 1.158.300đ x 144m² = 166.795.200đ; số tiền thiệt hại về tài sản là của gia đình, ông là người trực tiếp yêu cầu bồi thường, những người còn lại trong gia đình không yêu cầu bồi thường. Yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại đối với ông là 13.900.000đ. Tổng số tiền ông H yêu cầu UBND thị xã N bồi thường là 180.695.200đ.

Kèm theo đơn khởi kiện, ông H đã giao nộp cho Tòa các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao các Quyết định 1450/QĐ-UBND, Quyết định 3816/QĐ-UBND, Quyết định 701/QĐ-UBND, Quyết định 822/QĐ-UBND, Quyết định 680/QĐ-UBND, Quyết định số 86/TB-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của UBND thị xã N, trích đo địa chính khu đất chủ sử dụng đất Lê Đình H, Bản photo Biên bản kiểm kê khối lượng bồi thường giải tỏa ngày 30/9/2013, các biên bản làm việc, biên bản hòa giải, các biên lai thuế môn bài.

Tại Văn bản số 1795/UBND ngày 18/8/2016 và quá trình tố tụng, người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Thực hiện Quyết định số: 825/QĐ-BGTVT ngày 02/4/2013 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 1374 + 525 - Km 1392 và Km 1405 – Km 1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT. Ngày 24/6/2013, UBND thị xã N ban hành Thông báo số: 86/TB-UBND về chủ trương thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Dự án; thực hiện đo đạc hiện trạng từng thửa đất và kiểm kê khối lượng vật kiến trúc có trên đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cần phải giải tỏa để thực hiện Dự án. Do tính chất của Dự án là vừa thiết kế vừa thi công và để có mặt bằng giao cho đơn vị thi công triển khai thi công hoàn thành công trình đúng theo thời gian quy định, UBND thị xã N đã ban hành quyết định phê

duyet phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, quyết định thu hồi đất đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất phải giải tỏa, trong đó có hộ gia đình ông Lê Đình H.

Ông Lê Đình H có đơn khiếu nại các quyết định hành chính của UBND thị xã N đối với gia đình ông, UBND thị xã N tiến hành thẩm tra, xác minh và ngày 09/3/2016 Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định số: 680/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đình H (lần đầu), đồng thời, UBND thị xã N ban hành Quyết định số: 701/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 điều chỉnh việc áp giá bồi thường đất cho hộ ông Lê Đình H theo giá đất ở, Quyết định số: 822/QĐ-UBND ngày 10/6/2014 điều chỉnh một phần nội dung tại Điều 1 Quyết định số: 3816/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thị xã N. Ông H yêu cầu bồi thường khối lượng 300m³ đất, đá, cát, sỏi trị giá 166.795.200đ do thực hiện Dự án là không có cơ sở.

Đối với hành vi ngày 19/6/2014 của Chủ tịch UBND thị xã N mà ông H yêu cầu bồi thường thiệt hại, đây không phải là hành vi cưỡng chế thu hồi đất của hộ ông H, UBND thị xã N tiến hành các biện pháp bảo vệ để đơn vị thi công thực hiện giải phóng mặt bằng đối với phần đất thuộc quản lý của Nhà nước, ông H đã có hành vi cản trở khi đơn vị thi công đang giải phóng mặt bằng khu vực trước nhà bà Lê Thị K, buộc cơ quan chức năng mời ông H ra khỏi vị trí để đơn vị thi công thực hiện việc thi công, nhưng ông H chống đối nên lực lượng bảo vệ đưa ông ra khỏi khu vực thi công; không thực hiện giải phóng mặt bằng đối với 60m² đất thu hồi của hộ ông H; UBND và Chủ tịch UBND thị xã N không có hành vi cưỡng chế thu hồi đất của hộ ông H. Ông Lê Đình H, bà Nguyễn Thị Tuyết A và anh Lê A M yêu cầu UBND thị xã N bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại mỗi người 13.900.000đ là không có cơ sở và UBND thị xã N không chấp nhận việc bồi thường.

Như vậy, quá trình ban hành Thông báo, các Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, quyết định giải quyết khiếu nại đối với ông Lê Đình H là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nên UBND thị xã N, Chủ tịch UBND thị xã N không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 16/8/2017, đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại ngày 24/9/2018 và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Tuyết A trình bày: Bà là vợ của ông Lê Đình H và hoàn toàn đồng ý với các nội dung khởi kiện của ông H. Nguồn gốc thửa đất của gia đình bà là do vợ chồng bà nhận sang nhượng vào năm 1988, đến năm 1992 thì đồ đất nâng nền bằng đường Quốc lộ 1A. Phần đất gia đình bà bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, mở rộng đường Quốc lộ 1A là 144m².

Năm 2013, sau khi UBND xã N và cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã N tổ chức họp dân triển khai dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A, vợ chồng bà thường xuyên có mặt ở nhà nhưng không thấy ai đến đo đạc xác định diện tích thu hồi đất. Đến tháng 7 năm 2013, ông Phạm Văn T nhân viên Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã N đưa Biên bản kiểm kê khối lượng bồi thường, giải tỏa và bản vẽ kỹ thuật thửa đất đã có số liệu ghi sẵn đề nghị ông H ký xác nhận nhưng ông H ghi không đồng ý diện tích đo đạc và khối lượng kiểm kê. Ngày 15/6/2014, Tổ công tác UBND xã N đến nhà bà vận động bàn giao đất cho Dự án. Ngày 17/6/2014, vợ chồng bà dự cuộc họp tại UBND xã N với nội dung yêu cầu đo đạc lại đất. Vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 19/6/2014, lực lượng Công an thị xã N, Công an xã N, cán bộ thị xã tụ tập trước nhà bà và đóng cửa nhà bà lại không cho bà ra ngoài. Sau đó bà thấy ông Trần Văn M – Phó Chủ tịch UBND thị xã N chỉ đạo đơn vị thi công tiến hành đào xức đất, đá tại khu đất nhà bà vận chuyển đi nơi khác trong đó có nhà bà Trịnh Thị Thu N, còn ông H thì bị đưa đến Công an thị xã N.

Ngày 26/9/2014, các lực lượng như trên lại tiếp tục đến nhà bà đào xức đất đá, cát, sỏi mang đi. Sau khi đào xong, ông Phạm Văn T vào nhà đưa trực tiếp Quyết định 1450/QĐ-UBND cho vợ chồng bà.

Bà yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại vì hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thị xã N gây ra ngày 19/6/2014 là 13.900.000đ.

Theo đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại ngày 24/9/2018 và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê A M trình bày: A là con của ông Lê Đình H và bà Nguyễn Thị Tuyết A, anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày của ông H, bà A. Ngày 19/6/2014 khi lực lượng công an chính roi điện vào người cha anh, anh vào can ngăn thì bị bắt đưa về công an thị xã N, anh M yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại vì hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thị xã N gây ra đối với anh là 13.900.000đ.

Theo đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại ngày 24/9/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Tuyết N trình bày: Chị là con của ông Lê Đình H và bà Nguyễn Thị Tuyết A, chị đồng ý với ông H về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của gia đình chị là 166.795.200đ. Chị không yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần vì vào thời gian đó chị đi làm xa không có mặt ở nhà.

Theo Văn bản trình bày ý kiến số 85/2018/ĐC.BOT ngày 03/10/2018 và Biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2018, Công ty cổ phần Đầu tư BOT đèo Cả Khánh Hòa và ông Vũ Hải L là người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Đầu tư BOT đèo Cả Khánh Hòa trình bày: Công ty cổ phần Đầu tư BOT

đèo Cả Khánh Hòa là chủ đầu tư của công trình mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km 1374 + 525 – Km 1392 và Km 1405 – Km 1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT được triển khai từ năm 2013. Vào ngày 19/6/2014, theo thông báo của UBND thị xã N, đại diện của công ty phối hợp với các cơ quan có liên quan như Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã N, UBND xã N, Công ty cổ phần thi công cơ giới xây lắp là đơn vị thi công đến nhà ông Lê Đình H, trú tại: Thôn M, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đối với phần đất gia đình ông H bị thu hồi để thực hiện công trình. Việc tham gia phối hợp trong công tác giải phóng mặt bằng công ty thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số: 108/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính phủ và điều khoản của Hợp đồng BOT giữa nhà đầu tư và Bộ Giao thông Vận tải. Công ty không tham gia phối hợp cưỡng chế thu hồi đất của hộ ông Lê Đình H, công ty chỉ tham gia phối hợp giải phóng mặt bằng. Do đó, đối với yêu cầu của người khởi kiện, công ty thấy không liên quan đến công ty.

Theo Bản trình bày ý kiến đề ngày 17/8/2017, người làm chứng là bà Trịnh Thị Thu N trình bày: Vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 19/6/2014, bà thấy tại khu đất nhà ông Lê Đình H (là hàng xóm của bà) tập trung rất đông người, xe máy, xe tải, xe ben. Sau đó, những người đó xúc đất tại nhà ông H vận chuyển đến nhà bà đổ đất để nâng nền, được 04 xe tải trọng 12 khối, tổng cộng 48 khối, rồi tiếp tục vận chuyển đất đến đổ cho các hộ dân khác. Bà đã trả cho những người đổ đất vào nhà bà là 800.000đ (200.000đ/xe x 4).

Theo Bản trình bày ý kiến đề ngày 17/8/2017, người làm chứng là bà Nguyễn Thị Tuyết T trình bày: Ngày 19/6/2014, bà đang làm nhân công cho cửa hàng xộp cách nhà ông H một căn nhà liền kề, nghe ồn ào bà ra xem thì thấy tại nhà ông Lê Đình H tập trung đông người, xe máy công trình. Bà thấy có Công an thị xã N, Công an xã N, cán bộ UBND xã N, cán bộ thị xã N thực hiện việc đào, xúc đất, đá tại thửa đất nhà ông H chở đi nơi khác. Phía nhà ông H có khoảng 05 người mặc sắc phục Công an không cho người nhà ra ngoài, khoảng 90 phút sau thì giải tán.

Theo Bản trình bày ý kiến đề ngày 18/8/2017 và tại phiên tòa, người làm chứng là ông Nguyễn Văn Tuấn trình bày: Ngày 17/6/2014, ông nhận được giấy mời đến Hội trường UBND xã N để họp 16 hộ dân chưa bàn giao đất, có cả hộ ông Lê Đình H. Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã N thống nhất với 16 hộ dân tại buổi họp là sẽ tiến hành đo đạc lại đất. Lúc 09 giờ 19/6/2014, lực lượng Công an thị xã N, Công an xã N, cán bộ UBND xã N, cán bộ thị xã N, đơn vị thi công đưa phương tiện xe cơ giới đến nhà bà Lê Thị K là hàng xóm với gia đình ông. Ông thấy ông H đến nhà bà K nói chuyện với ông Trần Văn M. Sau đó, ông H bị Công an thị xã N khóa tay, chích roi điện, lôi lên xe công an chở đi. Sau đó, lực

lượng nêu trên đến nhà ông H, vào lúc 11 giờ 30 phút thì tiến hành đào, xúc đất tại thửa đất nhà ông H. Công an thị xã không cho người nhà ông H ra ngoài.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập Công ty cổ phần thi công cơ giới xây lắp và Công ty cổ phần lắp máy điện nước xây dựng 1 nhưng thư bị bưu điện hoàn về vì địa chỉ không đầy đủ. Tòa án đề nghị người bị kiện cung cấp lại cho Tòa án địa chỉ hiện nay của Công ty cổ phần thi công cơ giới xây lắp và Công ty cổ phần lắp máy điện nước xây dựng 1 nhưng đại diện UBND thị xã N trình bày: Theo hồ sơ lưu của UBND thị xã N thì Công ty cổ phần thi công cơ giới xây lắp và Công ty cổ phần lắp máy điện nước xây dựng 1 có địa chỉ tại Hà Nội. Tuy nhiên, địa chỉ này có vào thời điểm thi công công trình mở rộng Quốc lộ 1 (khoảng năm 2014 đến 2016) nên có thể hiện nay Công ty này đã thay đổi trụ sở không còn ở đó nữa. UBND thị xã N không biết địa chỉ mới của Công ty cổ phần thi công cơ giới xây lắp và Công ty cổ phần lắp máy điện nước xây dựng 1. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến cũng như triệu tập được Công ty cổ phần thi công cơ giới xây lắp và Công ty cổ phần lắp máy điện nước xây dựng 1 tham gia vụ án.

Từ những nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2019/HC-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

- Căn cứ Điều 7; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ Điều 589 và Điều 592 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 39, 41, 42, Điều 44 và Điều 138 Luật đất đai năm 2003 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2010); Điều 14, Điều 21 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; điểm a khoản 1 Điều 45 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

- Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình H và yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Tuyết A và anh Lê A M.

1.1. Bác yêu cầu của ông Lê Đình H về hủy nội dung “Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 18.960.000 đồng” tại Điều 1 của Quyết định số: 1450/QĐ-UBND ngày 16/4/2014 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Đình H khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A từ Km 1405 – Km 1425 đoạn qua thị xã N.

1.2. *Bác yêu cầu của ông Lê Đình H về hủy Điều 1 của Quyết định số: 3816/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án: Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A từ Km 1405 – Km 1425 đoạn qua thị xã N. Địa điểm: xã N, thị xã N.*

1.3. *Bác yêu cầu của ông Lê Đình H về hủy nội dung “Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh tăng là: 7.020.000 đồng” tại Điều 1 của Quyết định số: 701/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc phê duyệt kinh phí điều chỉnh về bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Đình H khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A từ Km 1405 – Km 1425 đoạn qua thị xã N (đợt 16 điều chỉnh lần 2). Địa điểm: xã N, thị xã N.*

1.4. *Bác yêu cầu của ông Lê Đình H về hủy Quyết định số: 680/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đình H (lần đầu).*

1.5. *Bác yêu cầu của ông Lê Đình H về hủy phần nội dung “Lý do: Thực hiện Quyết định số: 680/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đình H” của Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc điều chỉnh một phần nội dung tại Điều 1 Quyết định số 3816/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thị xã N.*

1.6. *Bác yêu cầu của ông Lê Đình H về hủy Điều 2 của Quyết định số: 1098/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc điều chỉnh, bổ sung một phần nội dung tại Quyết định số: 3816/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 và Quyết định số: 822/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của UBND thị xã N.*

1.7. *Bác yêu cầu của ông Lê Đình H về tuyên bố hành vi của Chủ tịch UBND thị xã N về cưỡng chế thu hồi đất cả gia đình ông vào ngày 19/6/2014 khi chưa có quyết định thu hồi đất là trái pháp luật.*

1.8. *Bác yêu cầu của ông Lê Đình H yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã N bồi thường thiệt hại thiệt hại 300m³ đất, đá, cát, sỏi, nhựa đường 166.795.200đ và yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại là 13.900.000đ; tổng cộng là: 180.695.200đ.*

1.9. *Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết A yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã N bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại là 13.900.000đ.*

1.10. *Bác yêu cầu của anh Lê A M yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã N bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại là 13.900.000đ.*

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo, thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/11/2019 ông Lê Đình H, bà Nguyễn Thị Tuyết A và anh Lê A M có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo ông H, bà A và anh M cho rằng việc bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông H và yêu cầu độc lập của bà A, anh M là không đúng pháp luật. Nay ông H, bà A, anh M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện độc lập của bà A và anh M.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông H, bà A và anh M xin thay đổi nội dung kháng cáo, cụ thể ông H, bà A và anh M xin rút lại yêu cầu hủy các Quyết định hành chính, tuyên bố hành vi hành chính trái pháp luật, chỉ yêu cầu UBND thị xã N kiểm kê diện tích đất còn thiếu, ban hành quyết định thu hồi đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 84m²; Yêu cầu Công ty Cổ phần đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa bồi thường thiệt hại 300m³ đất, đá, cát, sỏi, nhựa đường trị giá 166.795.200đ do Công ty đã xúc mang đi trước khi có quyết định thu hồi đất và xem xét sửa phần án phí tại Bản án sơ thẩm theo quy định đối với án phí hành chính, buộc các đương sự chịu án phí có giá ngạch là không đúng pháp luật, sửa lại Bản án sơ thẩm (ông H có nộp đơn kèm theo).

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 229 Luật Tố tụng hành chính đình chỉ xét xử các nội dung ông Lê Đình H, bà Nguyễn Thị Tuyết A và anh Lê A M đã rút kháng cáo; bác kháng cáo của ông Lê Đình H, bà Nguyễn Thị Tuyết A và anh Lê A M về yêu cầu UBND thị xã N kiểm kê diện tích đất còn thiếu, ban hành quyết định thu hồi đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 84m²; Yêu cầu Công ty Cổ phần đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa bồi thường thiệt hại 300m³ đất, đá, cát, sỏi, nhựa đường trị giá 166.795.200đ, xem xét chấp nhận phần kháng cáo về án phí, sửa phần án phí tại Bản án sơ thẩm đối với bà A và anh M, giữ nguyên các nội dung còn lại của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Xem xét kháng cáo của ông Lê Đình H, bà Nguyễn Thị Tuyết A và anh Lê A M, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đối với phần ông H, bà A và anh M xin rút lại yêu cầu hủy các Quyết định hành chính, tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thị xã N,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N trái pháp luật, căn cứ khoản 3 Điều 229 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các nội dung nêu trên.

[2]. Xem xét kháng cáo việc ông H cho rằng quá trình thực hiện việc thu hồi đất, thực hiện dự án còn thiếu diện tích 84m² của gia đình ông H chưa được kiểm kê, bồi thường và có quyết định thu hồi đất do vậy ông H yêu cầu Tòa án buộc UBND thị xã N kiểm kê lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 84m² đất. Xét thấy, thửa đất của ông H sử dụng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, căn cứ vào hồ sơ quản lý nhà nước về đất đai, kết quả đo đạc ngày 18/9/2013 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường thì thửa đất của ông H có diện tích 385,3m² là phù hợp với hồ sơ địa chính. Ngày 30/9/2013, Trung tâm phát triển quỹ đất của thị xã N đã tiến hành kiểm kê khối lượng bồi thường giải tỏa liên quan đến gia đình ông Lê Đình H, tại Biên bản kiểm kê nói trên (BL22) xác định diện tích đất thu hồi của ông Lê Đình H là 60 m², loại đất ở, hiện nay đo đạc hiện trạng còn lại 325,3m². Như vậy, diện tích thu hồi để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ IA là 60m². Việc ông H căn cứ vào Biên bản có xác nhận của UBND xã N cho rằng diện tích bị thu hồi 144m² là không có cơ sở pháp lý, tại Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu nói trên của ông H là có căn cứ pháp luật.

[3]. Đối với kháng cáo yêu cầu Công ty Cổ phần đầu tư BOT Đèo cả Khánh Hòa bồi thường thiệt hại thiệt hại 300m³ đất, đá, cát, sỏi, nhựa đường trị giá 166.795.200đ do Công ty đã xúc mang đi trước khi có quyết định thu hồi đất (tại giai đoạn sơ thẩm ông Lê Đình H yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã N bồi thường thiệt hại thiệt hại chứ không phải yêu cầu Công ty Cổ phần đầu tư BOT Đèo cả Khánh Hòa) Xét thấy, do tính chất khẩn trương của dự án nên các cơ quan chức năng và UBND thị xã N đã triển khai thông báo, quán triệt về chủ trương tiến hành đo đạc kiểm kê về diện tích, tài sản của các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án, trong đó có gia đình ông Lê Đình H cũng đã nắm rõ và đồng tình hưởng ứng, tuy quyết định thu hồi đất số 3816/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 ban hành chậm, tuy nhiên về tài sản trước đó ngày 30/9/2013 Trung tâm phát triển quỹ đất của thị xã N đã tiến hành kiểm kê khối lượng bồi thường giải tỏa liên quan đến gia đình ông Lê Đình H, ông H khởi kiện nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình, sau khi thi công công trình xong thì đã hoàn công trả lại mặt bằng sử dụng sinh hoạt bình thường do vậy Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xem xét kháng cáo liên quan án phí sơ thẩm của ông H, bà A và anh M thấy rằng: Theo quy định tại Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định như sau:

“Điều 32. Nghĩa vụ chịu án phí hành chính

...6. Nghĩa vụ phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án hành chính. Người có yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản theo quy định của pháp luật thì phải chịu án phí nếu yêu cầu của họ không được chấp nhận.

7. Nghĩa vụ chịu án phí thực hiện theo quy định tại Điều 26, 27 Nghị quyết này.”

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 166.795.200 đồng là đúng quy định pháp luật (*Trong số tiền trên không tính án phí đối với số tiền bồi thường danh dự, nhân phẩm 13.900.000 đồng do ông H yêu cầu*). Do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo liên quan án phí sơ thẩm của ông H.

Xem xét kháng cáo liên quan án phí sơ thẩm của bà A và anh M thấy rằng: Theo quy định tại điểm d Điều 12 Nghị quyết /2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định như sau:

Điều 12 Miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

...d) Người yêu cầu bồi thường về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín;”

Trong vụ án bà Nguyễn Thị Tuyết A và anh Lê A M khởi kiện về bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín số tiền 13.900.000 đồng/người, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà Tuyết A và anh M chịu án phí là không đúng quy định của pháp luật, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo sửa phần án phí sơ thẩm đối với bà A, anh M.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do bị bác kháng cáo nên ông Lê Đình H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, bà Nguyễn Thị Tuyết A và anh Lê A M không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 229; khoản 1, 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

1- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần ông Lê Đình H, bà Nguyễn Thị Tuyết A và anh Lê A M rút kháng cáo yêu cầu hủy các Quyết định hành chính, tuyên bố hành vi hành chính trái pháp luật, căn cứ khoản 3 Điều 229 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các nội dung nêu trên.

2- Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Đình H, bà Nguyễn Thị Tuyết A và anh Lê A M về nội dung kháng cáo yêu cầu UBND thị xã N kiểm kê diện tích đất còn thiếu, ban hành quyết định thu hồi đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 84m²; Yêu cầu Công ty Cổ phần đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa bồi thường thiệt hại thiệt hại 300m³ đất, đá, cát, sỏi, nhựa đường; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Tuyết và anh M, sửa phần án phí sơ thẩm tại Bản án sơ thẩm đối với bà Tuyết và anh M, giữ nguyên các phần còn lại của Bản án sơ thẩm.

3- Áp dụng: Điều 589 và Điều 592 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 39, 41, 42, Điều 44 và Điều 138 Luật đất đai năm 2003 (được sửa đổi, bổ sung

năm 2009, 2010); Điều 14, Điều 21 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; điểm a khoản 1 Điều 45 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình H và yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Tuyết A và anh Lê A M.

- Bác yêu cầu của ông Lê Đình H về hủy nội dung “Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 18.960.000 đồng” tại Điều 1 của Quyết định số: 1450/QĐ-UBND ngày 16/4/2014 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Đình H khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A từ Km 1405 – Km 1425 đoạn qua thị xã N.

- Bác yêu cầu của ông Lê Đình H về hủy Điều 1 của Quyết định số: 3816/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án: Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A từ Km 1405 – Km 1425 đoạn qua thị xã N. Địa điểm: xã N, thị xã N.

- Bác yêu cầu của ông Lê Đình H về hủy nội dung “Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh tăng là: 7.020.000 đồng” tại Điều 1 của Quyết định số: 701/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc phê duyệt kinh phí điều chỉnh về bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Đình H khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A từ Km 1405 – Km 1425 đoạn qua thị xã N (đợt 16 điều chỉnh lần 2). Địa điểm: xã N, thị xã N.

- Bác yêu cầu của ông Lê Đình H về hủy Quyết định số: 680/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đình H (lần đầu).

- Bác yêu cầu của ông Lê Đình H về hủy phần nội dung “Lý do: Thực hiện Quyết định số: 680/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đình H” của Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc điều chỉnh một phần nội dung tại Điều 1 Quyết định số 3816/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thị xã N.

- Bác yêu cầu của ông Lê Đình H về hủy Điều 2 của Quyết định số: 1098/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã N về việc điều chỉnh, bổ sung một phần nội dung tại Quyết định số: 3816/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 và Quyết định số: 822/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của UBND thị xã N.

- Bác yêu cầu của ông Lê Đình H về tuyên bố hành vi của Chủ tịch UBND thị xã N về cưỡng chế thu hồi đất cả gia đình ông vào ngày 19/6/2014 khi chưa có quyết định thu hồi đất là trái pháp luật.

- Bác yêu cầu của ông Lê Đình H yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã N bồi thường thiệt hại 300m³ đất, đá, cát, sỏi, nhựa đường 166.795.200đ và yêu cầu bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại là 13.900.000đ; tổng cộng là: 180.695.200đ.

- Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết A yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã N bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại là 13.900.000đ.

- Bác yêu cầu của anh Lê A M yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã N bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại là 13.900.000đ.

4- Về án phí: Áp dụng Điều 12; Điều 32; Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Đình H phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 8.339.760 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng 8.539.760 đồng, ông H đã nộp 200.000 đồng tại Biên lai số AA/2016/0000037 ngày 29/7/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa, số tiền còn phải nộp 8.339.760 đồng (*Tám triệu ba trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*).

- Bà Nguyễn Thị Tuyết A anh Lê A M không phải chịu án phí sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Đình H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm ông đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001050 ngày 18/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Nguyễn Thị Tuyết A, anh Lê A M không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng/người (*do ông H nộp thay cho bà A và anh M*) tại các biên lai số 0001048 và 0001049 ngày 18/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa cho bà Nguyễn Thị Tuyết A và anh Lê A M.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi